

Đ L, ngày 25 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 05/2019/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh A L; Sinh năm 1983;

- Bị đơn: Chị Thái Thị Y H; Sinh năm: 1989;

Cùng trú tại: Thôn 14b, xã Đ P, huyện Đ L, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ vào các Điều 212; 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh A L và chị Thái Thị Y H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh A L và chị Thái Thị Y H thuận tình ly hôn.

- **Về người được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung:** Sau khi các đương sự ly hôn; giao cho chị Thái Thị Y H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A Thái T, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2013 cho đến khi cháu A Thái T trưởng thành đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Anh A L có nghĩa vụ: Vào ngày 15 hàng tháng trong thời gian từ ngày 15/5/2019 cho đến khi cháu A Thái T trưởng thành đủ 18 tuổi và sống tự lập được, anh A L phải nộp tiền phí tổn nuôi con chung cho chị Thái Thị Y H một tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để nuôi cháu A Thái T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con (anh A L) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản:

+ Các đương sự không có tài sản riêng, không có các khoản tài sản cho nợ chung, không có các khoản nợ chung, không có tài sản chung; nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm (*Thuận tình ly hôn*): Anh A L và chị Thái Thị Y H cùng phải chịu 50% số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Anh A L thỏa thuận nhận nộp số tiền này cho chị Thái Thị Y H.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, do anh A L và chị Thái Thị Y H tự thỏa thuận được với nhau về phương thức cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nên anh A L phải chịu 50% án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Tổng số tiền án phí anh A L phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh A L được chuyển số tiền 300.000 đồng mà anh đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/0004592 ngày 12 tháng 3 năm 2019 thành tiền án phí. Anh A L đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Áp dụng Điều 357; khoản 4 Điều 466; khoản 1, 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự: Kể từ ngày chị Thái Thị Y H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án (anh A L) không trả số tiền cấp dưỡng nói trên hoặc cấp dưỡng chưa đủ thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được xác định bằng 10% tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP Đà Nẵng;
- VKSND huyện Đ L;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THA huyện Đ L;
- Ủy ban nhân dân xã Đ P, huyện Đ L
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./

THẨM PHÁN

